

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

Địa chỉ : Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Tel: 029 3852477

Fax: 029 3853083

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2 - 4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5 - 6

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

7 - 8

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216710 ngày 01/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 07/07/2011.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : HOANG LIEN SON TECHNICAL CERAMIC JOINT – STOCKS COMPANY. Tên viết tắt : HOCERATEC

Trụ sở chính đặt tại: Số 93, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Số điện thoại : 029 3852477

Fax : 029 3852565

Mã số thuế : 5200216710

Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 9 ngày 07/07/2011 thì vốn điều lệ của Công ty là 34.000.000.000 (Ba mươi tư tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Tổng số cổ phần : 3.400.000 cổ phần

Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	172, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội	4.739.600.000	13,94
2	Nguyễn Khắc Sơn	Tổ 11, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	2.200.000.000	6,47
3	Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 9, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	1.200.000.000	3,53
4	Hán Ngọc Cầu	Tổ 2B, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	657.000.000	1,93
5	Nguyễn Hữu Thiệp	Số 56 Lê Lợi, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	300.000.000	0,88
6	Nguyễn Danh Đông	Tổ 15, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	200.000.000	0,59
	Cộng		9.296.600.000	27,34

Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 9 ngày 07/07/2011 thì ngành nghề kinh doanh của công ty là :

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết : sản xuất sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ; sản xuất vật liệu chịu lửa;
- Kinh doanh vật liệu chịu lửa, sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị điện cho đường dây và trạm

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên, nhiên, vật liệu, tư liệu sản xuất, sản phẩm sứ, thủy tinh cách điện, polymer và thiết bị bảo vệ đường dây;
- Nhập khẩu máy móc, thiết bị sản xuất;
- Sản xuất, kinh doanh gốm sứ kỹ thuật;
- Khai thác, chế biến và xuất nhập khẩu khoáng sản.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Thiệp	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hán Ngọc Cầu	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Đông	Ủy viên
Ông Vũ Ngọc San	Ủy viên
Ông Nguyễn Kim Cương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thiệp	Giám đốc
Ông Hán Ngọc Cầu	Phó Giám đốc
Ông Phan Dũng Cường	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt (VIETCPA).

Địa chỉ: Phòng 301, Tầng 3, Lô B1, Đơn nguyên 17, Số 94 Nguyễn Khánh Toàn, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (04) 62 733 599/ (04) 37 674 281/82

Fax: (04) 37 674 283

Mã số thuế: 0102138159

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã tuân thủ các :

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN



Nguyễn Hữu Thiệp
Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 3 năm 2012



ĐỘC LẬP - TRUNG THỰC - KHÁCH QUAN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT

Tầng 3, Nhà B1, 94 Nguyễn Khánh Toàn
P. Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (844) 37 674 281 / 282
Fax: (844) 37 674 283
www.vietcpa.com.vn

Số: 59 /2012/TC - VIETCPA

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011
của Công ty Cổ phần Sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn**

**Kính gửi : Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Việt đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 15/01/2012 của Công ty Cổ phần Sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 7 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau thời điểm 31/12/2011 nên chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2011. Số dư của các khoản mục này được lấy theo số liệu do công ty cung cấp và phù hợp với kết quả kiểm kê ngày 31/12/2011 do Hội đồng kiểm kê của công ty thực hiện;
- Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ 100% biên bản đối chiếu số dư công nợ phải thu, phải trả của công ty tại ngày 31/12/2011. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về giá trị của các khoản mục này và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính năm 2011 của công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn cho năm tài chính 2011:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn giữ 03 bản, Công ty TNHH Kiểm toán Việt giữ 01 bản.



Nguyễn Thái Hồng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1115/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT

[Signature]

Nguyễn Thị Diệu Linh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0920/KTV

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.607.310.425	27.927.088.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.346.366.996	1.197.112.749
1. Tiền	111	V.01	1.346.366.996	1.197.112.749
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.000.000.000	4.800.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	23.000.000.000	4.800.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.291.578.593	12.468.733.928
1. Phải thu khách hàng	131	VIII.1	13.997.125.357	10.849.297.279
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.2	885.809.824	1.004.548.456
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135	V.03	408.643.412	614.888.193
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		12.487.083.204	9.219.167.836
1. Hàng tồn kho	141	V.04	12.487.083.204	9.219.167.836
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.482.281.632	242.074.274
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.579.200	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	407.426
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	270.333.742	1.165.400
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3	1.186.368.690	240.501.448
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.589.532.328	17.587.271.087
II. Tài sản cố định	220		15.454.470.028	17.587.271.087
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	15.454.470.028	17.587.271.087
- Nguyên giá	222		76.408.836.080	74.356.042.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.954.366.052)	(56.768.771.659)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		85.090.910	85.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.090.910)	(85.090.910)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		135.062.300	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	135.062.300	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		69.196.842.753	45.514.359.874

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.371.511.486	10.243.684.087
I. Nợ ngắn hạn	310		19.251.492.286	10.243.684.087
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	1.130.000.000	2.319.395.000
2. Phải trả người bán	312	VIII.4	2.671.904.537	2.128.125.193
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.5	3.245.965.489	1.670.286.312
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	2.989.420.305	90.969.075
5. Phải trả người lao động	315		4.163.765.400	2.017.413.800
6. Chi phí phải trả	316	V.10	2.730.765.800	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	2.319.670.755	2.017.494.707
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		120.019.200	-
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.12	120.019.200	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.825.331.267	35.270.675.787
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	49.825.331.267	35.270.675.787
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.000.000.000	34.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.825.331.267	1.270.675.787
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		69.196.842.753	45.514.359.874

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Nga



Vũ Nguyên Bình



Nguyễn Hữu Thiệp

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14	83.650.467.267	74.016.706.881
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.650.467.267	74.016.706.881
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.15	46.319.304.293	45.728.023.881
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.331.162.974	28.288.683.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	1.286.180.324	246.504.697
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	185.210.523	823.761.076
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		175.267.595	823.761.076
8. Chi phí bán hàng	24	VI.18	12.180.740.856	17.854.941.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.19	8.351.900.782	8.959.149.046
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.899.491.137	897.336.291
11. Thu nhập khác	31	VIII.6	79.601.066	212.447.732
12. Chi phí khác	32	VIII.7	13.181.818	109.195.500
13. Lợi nhuận khác	40		66.419.248	103.252.232
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.965.910.385	1.000.588.523
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	51	VIII.8	3.189.420.305	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14.776.490.080	1.000.588.523
18. Lãi năm trước chuyển sang	70		1.270.675.787	270.087.264
20. Các khoản điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế			(221.834.600)	-
20. Lợi nhuận sau thuế lũy kế			15.825.331.267	1.270.675.787

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Nga

Vũ Nguyên Bình

Nguyễn Hữu Thiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		92.071.674.967
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(52.140.768.369)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(14.725.094.092)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(230.012.400)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(421.834.600)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		68.920.066
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(5.095.114.064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.527.771.508
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(1.184.361.516)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(56.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		38.325.850.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.169.389.255
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.189.122.261)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		277.300.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		(277.300.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		200.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.389.395.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.189.395.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		149.254.247
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.197.112.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		1.346.366.996

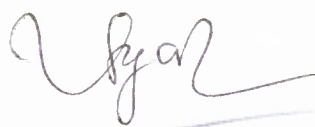
Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Thu Nga

Vũ Nguyên Bình

Nguyễn Hữu Thiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sứ Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216710 ngày 01/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 07/07/2011.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : HOANG LIEN SON TECHNICAL CERAMIC JOINT – STOCKS COMPANY. Tên viết tắt : HOCERATEC

Trụ sở chính đặt tại: Số 93, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
Số điện thoại : 029 3852477
Fax : 029 3852565
Mã số thuế : 5200216710

Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 9 ngày 07/07/2011 thì vốn điều lệ của Công ty là 34.000.000.000 (Ba mươi tư tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Tổng số cổ phần : 3.400.000 cổ phần

2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết : sản xuất sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ; sản xuất vật liệu chịu lửa;
- Kinh doanh vật liệu chịu lửa, sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị điện cho đường dây và trạm
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên, nhiên, vật liệu, tư liệu sản xuất, sản phẩm sứ, thủy tinh cách điện, polymer và thiết bị bảo vệ đường dây;
- Nhập khẩu máy móc, thiết bị sản xuất;
- Sản xuất, kinh doanh gốm sứ kỹ thuật;
- Khai thác, chế biến và xuất nhập khẩu khoáng sản.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực số 10 – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Tại thời điểm 31/12/2011 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 4 điều kiện sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- Thời gian sử dụng ước tính trên một năm;
- Có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua, các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 04
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm; Chi phí chờ kết chuyển là các chi phí quản lý doanh nghiệp được lũy kế qua từng năm và được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ hoạt động đó.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ kinh doanh sản phẩm sử dụng kỹ thuật và các loại sản phẩm, hàng hóa khác và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận dựa trên biên bản bàn giao, hóa đơn thương mại đã phát hành cho khách hàng không kể đã thu được tiền hay chưa phù hợp với chuẩn mực số 14- "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

8. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

8.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hóa đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hóa đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

8.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

8.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

9.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2011 được giảm 30% theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 về Hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH3 của Quốc hội về ban hành sửa đổi bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

9. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được xác định phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung phục vụ cho sản xuất, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)***V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1 . Tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	24.020.303	3.992.882
VND	24.020.303	3.992.882
<i>Tiền gửi ngân hàng - VND</i>	1.322.346.693	1.193.119.867
Ngân hàng công thương Yên Bái (VND)	2.029.899	2.029.899
Ngân hàng NN và PT nông thôn Yên Bái (VND)	85.821.482	7.305.967
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái (VND)	573.522.601	553.665.314
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái (EUR qui ra VND)	660.972.711	630.118.687
Tổng cộng	1.346.366.996	1.197.112.749

2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm	23.000.000.000	4.800.000.000
Tổng cộng	23.000.000.000	4.800.000.000

3 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí phải thu	106.119.487	5.675.739
Các khoản phải thu	-	533.889.461
Phải thu Ông Hoàng Ngọc Trịnh	21.769.931	21.769.931
Quỹ khen thưởng phúc lợi	280.753.994	53.553.062
Tổng cộng	408.643.412	614.888.193

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)***4 . Hàng tồn kho**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.671.118.140	1.836.475.457
Công cụ, dụng cụ	1.578.215.062	1.532.665.248
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	833.713.900	901.339.400
Thành phẩm	6.039.342.287	2.806.423.513
Hàng hóa	727.677.692	436.167.588
Hàng gửi đi bán	1.637.016.123	1.706.096.630
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	12.487.083.204	9.219.167.836

5 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	268.760.916	-
Thuế thu nhập bất thường	1.165.400	1.165.400
Thuế nhập khẩu	407.426	-
Tổng cộng	270.333.742	1.165.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2011

(tiếp theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

					Đơn vị tính : VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư ngày 01/01/2011	13.103.765.118	59.404.658.904	1.073.047.000	774.571.724	74.356.042.746
- Mua trong năm	339.161.818	1.499.949.697	-	213.681.819	2.052.793.334
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2011	13.442.926.936	60.904.608.601	1.073.047.000	988.253.543	76.408.836.080
Giá trị hao mòn lũy kế					
- Số dư ngày 01/01/2011	6.326.436.470	49.090.354.665	690.570.600	661.409.924	56.768.771.659
- Khấu hao trong năm	282.112.700	3.747.035.793	112.609.400	43.836.500	4.185.594.393
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2011	6.608.549.170	52.837.390.458	803.180.000	705.246.424	60.954.366.052
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2011	6.777.328.648	10.314.304.239	382.476.400	113.161.800	17.587.271.087
- Tại ngày 31/12/2011	6.834.377.766	8.067.218.143	269.867.000	283.007.119	15.454.470.028

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

7 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	135.062.300	-
Tổng cộng	135.062.300	-

8 . Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	1.130.000.000	2.319.395.000
Nguyễn Kim Cương - VPHN	100.000.000	
Ngô Thị Như Hoa - VPĐN	100.000.000	
Dương Phước Sơn - VPĐN	50.000.000	
Vũ Tuyết Linh - VPHN	50.000.000	
Hoàng Minh Cường - VPNA	30.000.000	
Nguyễn Ngọc Long - VPHN	100.000.000	
Nguyễn Cao Long - VPMN	150.000.000	
Nguyễn Thị Hồng Hà - VPMN	50.000.000	
Lê Thị Át	100.000.000	
Trần Thị Hương Giang - VPHN	100.000.000	
Ngô Minh Thanh - VPĐN	200.000.000	
Lê Thị Lừu	100.000.000	
Tổng cộng	1.130.000.000	2.319.395.000

9 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	01/01/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2011
Thuế giá trị gia tăng	90.969.075	-	359.729.991	(268.760.916)
Thuế thu nhập DN	-	3.189.420.305	200.000.000	2.989.420.305
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế khác	(1.165.400)	-	407.426	(1.572.826)
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	1.165.400			270.333.742
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (**)	90.969.075	3.189.420.305	560.137.417	2.989.420.305

(*) tổng cộng các chỉ tiêu có số dư âm (-)

(**) tổng cộng các chỉ tiêu có số dư dương (+)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

10 . Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương	2.589.000.000	-
Chi phí sửa chữa trần nhà tạo hình	141.765.800	-
Tổng cộng	2.730.765.800	-

11 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Phải trả phải nộp khác (Dư Có TK 338)</i>	<i>2.315.962.085</i>	<i>2.013.632.037</i>
Kinh phí công đoàn	23.077.600	63.579.400
Tiền ăn ca	983.242.276	624.246.810
Chi phí thẩm định đầu tư	6.433.000	6.433.000
Chi phí cổ phần hóa	67.092	67.092
Kinh phí dự án sử nhiễm mặn	1.500.000	1.500.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	229.053.300	229.053.300
Lãi phải trả cổ đông mua cổ phiếu ưu đãi	122.882.800	194.385.600
Nguyễn Văn Cường	-	26.894.800
Nguyễn Đức Toàn	300	300
Chi phí tìm kiếm hợp đồng	321.048.995	481.048.995
Cục điều tiết Dự án DSM	9.427.700	9.427.700
Nguyễn Danh Đông	-	77.000.000
Hoàng Minh Cường	28.050.000	28.050.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông Nhà nước	147.876.000	147.876.000
Nguyễn Thị Tuyết	73.847.100	115.152.100
Cha Valit	360.283.644	-
Đối tượng khác	9.172.278	8.916.940
<i>Tạm ứng (Dư Có)</i>	<i>3.708.670</i>	<i>3.862.670</i>
Tạm ứng lương	-	154.000
Nguyễn Văn Cường	37.320	37.320
Vũ Nguyên Bình	633.100	633.100
Lương Văn Thường	3.038.250	3.038.250
Tổng cộng	2.319.670.755	2.017.494.707

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

12 . Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	120.019.200	-
Tổng cộng	120.019.200	-

13 . Vốn chủ sở hữu**13.1 . Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2010	29.740.000.000	-	29.740.000.000
Tăng vốn trong năm trước	7.831.700.000	-	7.831.700.000
Lãi trong năm trước	-	1.311.170.947	1.311.170.947
Tăng khác	-	40.495.160	40.495.160
Trích lập trong năm trước	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	3.571.700.000	-	3.571.700.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	34.000.000.000	1.270.675.787	38.882.870.947
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	14.776.490.080	14.776.490.080
Tăng khác	-	-	-
Trích lập trong năm nay	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Giảm khác	-	221.834.600	221.834.600
Số dư ngày 31/12/2010	34.000.000.000	15.825.331.267	49.825.331.267

13.2 . Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	4.739.600.000	4.739.600.000
Nguyễn Khắc Sơn	2.200.000.000	2.200.000.000
Nguyễn Thị Kim Hoa	1.200.000.000	1.200.000.000
Hán Ngọc Cầu	657.000.000	657.000.000
Nguyễn Hữu Thiệp	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Danh Đông	200.000.000	200.000.000
Các cổ đông khác	24.703.400.000	24.703.400.000
Tổng cộng	34.000.000.000	34.000.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

13.2 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm 2011

VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

14.776.490.080

Lợi nhuận phân phối cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

14.776.490.080

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân

3.400.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

4.346

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

14 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán sản phẩm là thành phẩm	78.063.173.267	69.219.848.331
Doanh thu bán hàng hóa	5.587.294.000	4.796.858.550
Tổng cộng	83.650.467.267	74.016.706.881

15 . Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	41.545.129.206	40.681.881.813
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.774.175.087	5.046.142.068
Tổng cộng	46.319.304.293	45.728.023.881

16 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.195.239.355	40.694.631
Chênh lệch tỷ giá	90.940.969	205.810.066
Tổng cộng	1.286.180.324	246.504.697

17 . Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	175.267.595	823.761.076
Chênh lệch tỷ giá	9.942.928	-
Tổng cộng	185.210.523	823.761.076

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

18 . Chi phí bán hàng

Năm 2011

VND

Chi phí nhân viên	2.994.715.983
Chi phí vật liệu, bao bì	943.224.723
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.417.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	453.487.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.830.963.030
Chi phí bằng tiền khác	2.936.932.383

Tổng cộng

12.180.740.856

19 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2011

VND

Chi phí nhân viên quản lý	5.413.058.113
Chi phí vật liệu quản lý	275.856.173
Chi phí đồ dùng văn phòng	368.649.204
Chi phí khấu hao TSCĐ	349.525.610
Thuế, phí và lệ phí	682.047.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.442.816
Chi phí bằng tiền khác	1.039.321.755

Tổng cộng

8.351.900.782

20 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Năm 2011

VND

Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	24.044.245.667
Chi phí nhân công	20.444.948.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.710.960.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.169.711.589
Chi phí khác bằng tiền	5.162.713.423

Tổng cộng

67.532.579.400

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Phải thu của khách hàng

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Cửa Hàng Thiết bị điện Sơn Hải	23.013.880	23.013.880
Điện lực Yên Bái	2.499.198	17.899.198
Cty Điện Lực Ii)hđ Eq73	15.932.000	15.932.000
Cty Pisto Vĩnh Phúc	48.569.400	48.569.400
Điện Lực Hải Phòng	2.887.975	1.130.271.175
Cty Cp Đầu Tư Xây Dựng Minh Đăng	14.822.500	-
Cty Thiết bị Điện Mỏ Cẩm Phả	43.340.300	300
Cty Xây lắp điện Hải Phòng	41.614.158	6.119.588
Cty Thiết Bị Điện Thành An	209.734.385	259.395.705
Cty Thiết Bị Điện Vạn Xuân	80.784.695	125.784.695
Ông Huê Nam Định	11.407.800	11.407.800
Công Ty Ptd Công Nghiệp (Quảng)	979.000	-
Cty Cp Điện Liên Thành	-	8.882.500
Cty Cp Việt Hàn	5.295.150	-
Cty TNHH Vật Tư Thiết bị điện Cao Thắng	57.959.990	-
Cty Cổ Phần Thắng Lợi	48.125.893	62.927.643
Ông Cường Cty Cp Thắng Lợi	-	38.145.840
Bà Hương Cty Cp Biển Ấp(miba)	160.514.671	119.152.471
Cty Cp Rifaco	38.309.700	38.309.700
Ông Đà Cty Cn Địa Vật Lý	90.133.600	90.133.600
Cty Hải Nam	144.980	7.179.980
Cty Thiết bị điện Hưng Phúc	31.099.200	31.099.200
Cty TNHH Elecom- Vũ Thành An	13.605.900	-
Cty Xây lắp Thủy Lợi 4 Đông Anh	44.707.096	22.353.548
Ông Đông Xí nghiệp Vật liệu xây dựng	87.660.620	87.660.620
Ông Bảo Cty Xây lắp điện 1	50.217.746	50.217.746
Bà Hương Hà Tây	50.759.860	50.759.860
Cty Sao Sáng	456.928.007	183.976.320
Cty Cp Đầu Tư Alpha	-	3.728.500
Cửa Hàng Hà Thành	391.589.437	1.001.337
Xí nghiệp Thiết bị điện Thanh Xuân	507.938.471	138.922.181
Khách Lê	-	7.738.432
Cty TNHH Xd & Tm Cửu Long	34.492.100	34.492.100
Cty Cp Sản xuất thiết bị điện Đông Anh-huệ	158.121.468	-
Cty Vật tư Thiết bị điện Thăng Long	6.189.000	6.189.000
Ha Na Ka	223.900.060	348.690.400
Cty Cp Cơ Điện Đông Anh	291.970.523	256.040.373

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Cty Cp Biến Thế Và Vật liệu điện Hà Nội-thăng (Thủy)	48.871.020	-
Cty TNHH 1 Tv Chế Tạo Điện Cơ	36.647.700	11.861.400
Cty Ld ABB	283.211.285	227.931.665
Nhà Máy Chế Tạo Thiết bị điện Đông Anh	51.578.625	118.910.505
Cty Chế Tạo Thiết bị điện Hà Nội-ông Ngà	17.162.800	144.460.190
Cty Thương Mại Đại Quang	174.654.380	181.005.880
Cty Cp Biến Áp Điện lực Hà Nội(Nhật)	60.226.380	201.540.460
Cty Nhật Linh	-	58.322.000
Cty Thiết bị điện Đông Hưng	845.596.902	368.521.687
Cty Chế tạo máy biến áp (Hỷ- K&n)	76.658.100	
Cty Kỹ Thuật Fs	48.089.200	30.825.700
Cty Cp Chế Tạo Và TM Thiết bị điện Việt Nam- Thanh	89.805.430	15.365.900
Công Ty Kỹ Thuật Điện- Trung	96.680.383	-
Cty Tm Và Xd Ngân Hà	33.990.000	-
Cty TNHH 1 Tv Điện Lực Hp	48.400.000	-
Cty Cp Sản Xuất Thiết Bị Điện Hà Nội	70.259.900	-
Cty Cp Chế Tạo Máy Biến Thế Hn - Chiến	49.048.425	-
Cty Xd Thăng Long	12.545.280	-
Cty Cp Nam Lê	28.050.500	-
Văn Phòng Nghệ An	73.689.006	-
Điện Lực Nghệ An	-	63.272.000
Anh Tinh Cty Cp Phát triển Điện Công nghiệp	2.304.376	21.466.200
Cty Cpxd Đất Việt	113.560.000	-
Cty TNHH Tm Kỹ Thuật Bình Minh	-	15.199.976
Công Ty Cp Tm & Xây lắp công nghiệp -ông Cường(Chì Minh)	48.396.013	6.544.000
Côngty Tmviệt Hoàng	-	46.322.400
Cty Xi Điện Lực Nghệ An-ông Cường	11.718.937	12.659.717
Cty Xd & Pt Nt 10	-	10.400.000
Nguyễn Mai	100.000.000	100.000.000
Bà Hồng TNHH Long Vân	241.748.750	241.748.750
Cty Cổ Phần Ct Việt Nguyên		126.643.126
Cty Xây lắp điện Cơ Đông Hà	93.191.404	93.191.404
Cty TNHH Quang Minh	33.851.231	33.851.231
Cty Ptđt Và Khu Cn Đà Nẵng	110.500.000	110.500.000
Điện Lực Bình Định	13.695.000	6.963.000
Xnkd Vttb Ctcp Việt Nguyên	312.825.400	-
Huỳnh Thị Quỳnh Nga	11.782.860	38.864.500
Văn Phòng Đà Nẵng	7.806.776	
Cty Cp Cơ Điện Miền Trung	55.885.200	2.645.200
Cty Tm & Dv Tín Việt	987.500	11.725.000
Cty TNHH Phong Phú	22.990.000	-
Điện Lực Dal Lak	2.915.704.000	717.333.100

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)*

Điện Lực Khánh Hoà	479.587.400	169.791.100
Điện Lực Quảng Ngãi	3.675.800	174.028.800
Hoàng Nguyên Evn	120.384.000	-
Cty TNHH Xd & Pt Nt Quảng Trị	-	64.020.000
Điện Lực Daknong	266.200.000	287.980.000
Cty Cơ Điện Thủ Đức	974.206.720	1.235.372.100
Cty Tbd Biên Hoà Đồng Nai	1.415.442	1.278.503.305
Cty TNHH P Nam Trà Vinh	71.551.998	71.551.998
Cty Xd Số Ii	102.058.884	102.058.884
Cty Thái Bình Dương	68.213.533	68.213.533
Cty Xd Cnn Số I Cn Cần Thơ	22.621.300	22.621.300
Dn Tư Nhân Quyết Thắng	52.634.899	52.634.899
Xn Cơ Khí Cn Bến Tre	2.000.000	2.000.000
Điện Lực Bình Thuận	9.000	128.940.000
Khách Lẻ	14.048.104	-
Điện Lực Bạc Liêu	86.330.250	86.330.250
Văn Phòng Miền Nam	-	110.959.377
Điện Lực Tây Ninh	3.184.000	14.816.000
Cty Thuy Lâm	236.696	10.254.682
Điện Lực Tiền Giang	9.515.022	317.167.400
Cơ Sở Mai Anh	-	73.847.400
Điện Lực Bình Chánh	247.523.400	297.023.400
Cty Cao Linh	1.953.864.489	-
Các đối tượng khác	30.502.894	37.112.768

Tổng cộng**13.997.125.357****10.849.297.279****2. Trả trước cho người bán**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công Ty Cp Thành Công	-	11.236.870
Cty Cơ Khí Đại Đồng	-	72.830.000
Cty Cp Cn Tia Sáng	66.000.000	66.000.000
Trần Anh Đức	120.000.000	40.000.000
Nguyễn Hữu Thiệp (quan Trắc)	11.000.000	11.000.000
Ct Cp Gp Tk Năng Lượng & Cntt	80.000.000	80.000.000
Tt Tt Sách Kinh Tế Tài Chính	295.000	295.000
Cty Phương Bắc	15.000.000	15.000.000
Công Ty TNHH Cao Linh	2.749.989	10.449.989
Nguyễn Thị Tuyết	51.846.000	51.846.000
Công Ty Minh Kết	279.978.500	-
Công Ty Cp Tập Đoàn Ha Na Ka	11.694.980	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Asi So (Tầm Kê Trụ Đỡ)	182.603.856	-
Quan Trắc Đo Đất	24.279.616	-
Cty TNHH Văn Long	-	643.525.000
Các đối tượng khác	40.361.883	2.365.597

Tổng cộng	885.809.824	1.004.548.456
------------------	--------------------	----------------------

3 . Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	<i>550.993.084</i>	<i>-</i>
<i>Tạm ứng</i>	<i>635.375.606</i>	<i>240.501.448</i>
Hoàng Ngọc Trinh	89.561.196	91.061.196
Hán Ngọc Cầu	49.028.000	49.028.000
Tạm ứng tiền c/đ thai sản	7.000.000	20.000.000
Hoàng Đức Minh	27.633.908	34.335.508
Học sinh lớp học silicat	-	39.000.000
Văn phòng Miền Nam đặt cọc	7.000.000	7.000.000
Trần Hương Giang	262.835.655	-
Lương Văn Thường	16.000.000	-
Trần Anh Đức	5.000.000	-
Hoàng Minh Cường	1.989.174	-
Bùi Xuân Thí	10.000.000	-
Đỗ Đức Luân	10.000.000	-
Văn phòng Miền Trung	19.412.698	-
Văn phòng Miền Nam	25.492.231	-
Phan Thị Mai	76.744	76.744
Đối tượng khác	104.346.000	-
Tổng cộng	1.186.368.690	240.501.448

4 . Phải trả người bán

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công Ty Cp Thành Công	54.139.750	-
Cty Cơ Khí Đại Đồng	176.132.000	-
Lương Văn Đồng	163.631.360	-
Cty TNHH Vận Tải Quang Trung	258.010.935	244.568.680
Cty TNHH Sx & Kd Bao Bì Hà Anh	122.310.400	53.700
Ct TNHH Tiếp Vận Hải Long	153.477.883	72.547.679
Nguyễn Mai Anh	124.318.500	136.172.900
Cty TNHH Đại Long	170.674.500	199.295.500

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Htx Dịch Vụ Thương Mại Phúc Lợi	387.989.950	568.086.000
Cty Đại Sơn	18.699.200	5.396.300
Ct Khoáng Sản Cửu Long Vinashin	40.275.494	104.488.600
Cty TNHH Bách Việt	536.090.900	-
Cty Đại Tân	85.912.800	-
Công Ty Điện Báo Điện Thoại	-	216.440
Nguyễn Thanh Tùng (ga Yên Bái)	1.162.800	149.700
Khoáng Sản Lào Cai	11.264.000	-
Nguyễn Cao Long Vpmn	2.400.000	2.400.000
Lê Thị Phương	2.171.900	2.171.900
Cty TNHH Minh Nhật	50.000	50.000
Nguyễn Văn Cường	274	13.874.274
Phạm Thu Hằng	359.000	359.000
Cty Vật Tư Tây Bắc	43.643.000	43.643.000
Cty TNHH Cơ Khí Và Sửa Chữa Ô Tô	3.787.000	3.787.000
Nguyễn Mai	200	200
Cty Cp Tbd Tuấn Ân - Tp.hcm	-	5.165.866
Nguyễn Ngọc Long	1.000	1.000
Thời Báo Doanh Nhân	21.301.000	21.301.000
Cty Cp Cơ Khí Quang Báo	2.503.300	2.503.300
Cty Cp Hoàng Minh Anh	200	200
Doanh Nghiệp Tn - Hồng Yên	600	74.905.600
Nhà Máy Hà Linh	2.200.000	9.200.000
Trần Hương Giang	-	822.238
Ct TNHH Việt Trường	-	19.420.725
Ct Cp Sx & Tmxc Vtur Chuyên Ngành	468.200	468.200
Công Ty Cp Tuấn Ân Đà Nẵng	-	18.480.000
Lê Thị Lan	1.070	1.070
Đặng Văn Bình	4.911.800	5.211.800
Dương Thu Hà	2.556.100	600
Nguyễn Thị Luyên	51.846.000	51.846.000
Nguyễn Kim Cương - Vphn	2.624.990	2.624.990
Ct TNHH Thanh Minh	15.000	15.000
Ct TNHH Thành Dương (yến)	336.350	34.678.850
Bùi Xuân Trường	274.000	274.000
Đỗ Thị Hương (nhuận)	4.480.000	4.480.000
Đỗ Văn Đãi	-	632.500
Đỗ Thanh Toàn	1.500	1.500
Cty TNHH An Tân Bình	350.000	-
Dntn Tt Xăng Dầu Chiến Thắng	100	5.531.100
Hoàng Phúc Hưng	2.674	2.674
Nguyễn Thị Huệ (nén)	500	500
Dn Tn Công Đạt	60	60
Phòng Tm Và Cn Vn	5.000.000	5.000.000
Phạm Thu Hiền	-	74.985.000
Công Ty Than Tây Bắc	72.900	72.900

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Công Ty Cổ Phần Hồng Nam	2.746.000	2.746.000
Ct Cp Cơ Khí & Xây Dựng Yb (nam)	-	5.457.000
Nguyễn Quý Trọng	-	650.000
Trần Đức Tú	149.400	149.400
Công Ty TNHH Việt Hà	11.615.487	11.615.487
Ct TNHH Tm & Sx Cơ Điện Hưng Phát	-	95.946.400
Ct TNHH Cơ Khí Cao Nguyên	21.029.200	40.379.200
Trần Văn Nam	2.120.060	2.120.060
Báo Thanh Tra	-	10.000.000
Công Ty Minh Kết		21.500
Nguyễn Thị Thủy	2.031.400	43.941.400
Trần Văn Mùi - Ct Cơ Khí Chính Xác	27.248.000	17.400.000
Cty TNHH Văn Long	37.600.000	-
Công Ty May Xuất Khẩu	-	25.984.500
Ct TNHH Hùng Tài	-	58.072.000
Công Ty Cp In Yên Bái	-	14.993.000
Ct TNHH Tm Hoàng Dương	3.850.000	3.850.000
Nguyễn Thế Hùng	-	18.850.000
Trần Duy Hưng	-	41.061.700
Trần Nhật Quang	26.330.500	-
Hà Kim Oanh	6.320.000	-
Cty TNHH Tm Thành Dương	9.460.000	-
Tạp Chí Vn	11.000.000	-
Đỗ Kim Sử	53.755.300	-
Phan Dũng Cường	1.200.000	-
Tổng cộng	2.671.904.537	2.128.125.193

5 . Người mua trả tiền trước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thailand	1.116.639.067	88.140.000
Ô Trọng Đường Giải Phóng	3.000.000	3.000.000
Công Ty Thiện Xuân	-	71.060.000
Vũ Yến + Luyện Đồng L.cai	-	71.060.000
Phản Lan	1.310.347.382	-
Lào	350.951.800	-
Xn Kinh Doanh Vật Tư Tb Quang Trung	70.767.400	-
Cty TNHH Xây Dựng Điện (ông Sở Hải Dương)	201.692	48.921.692
Văn Phòng Hà Nội	45.639.000	571.750.054
Kim Khí Thai Nguyên (Kháhc Lê)	3.409.368	7.856.750
Công Ty Ptd Công Nghiệp (Quảng)	-	28.378.185
Cty TNHH Vũ Tuấn	912.161	912.161
Cty Phượng Dũng	50.271.000	50.271.000
Cty Cp Việt Hàn	-	95.892.500

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)*

Ông Cường Cty Cp Thăng Lợi	9.980.053	-
Cty Cp Chế Tạo Tbđ Việt Nam	-	10.000.000
Cty TNHH Việt Hà	-	27.816.250
Cty TNHH Tm và Xl Điện	33.990.000	-
Cửa Hàng Vld Kim Khí (Đinh Trọng Kỳ)	819.306	-
Cty Cp Sơn Việt	1.851.300	-
Cty TNHH Việt Hùng	20.000.000	-
Dnvlđ Thái Nguyên	-	88.825.000
Khách Lẻ	27.427.100	-
Cty Vật Tư Tbđ Hà Nội	-	26.554.000
Cty Cp Biển Thề Và Vld Hà Nội-thăng (Thủy)	-	53.339.440
Cty Ctao Mb /áp(Hỷ- K&n)	-	46.661.627
Công Ty Kỹ Thuật Điện- Trung	-	5.196.667
Công Ty TNHH Xd & Tm Hoà Bình	-	50.000.000
Cty Evn - Khoan	59.565.000	-
Cty Hải Hà	1.447.826	1.447.826
Văn Phòng Nghệ An	-	51.949.994
Cty TNHH Tm Hải An	9.200.040	-
Côngty Tmviệt Hoàng	2.214.000	-
Khách Lẻ	22.932.893	22.919.575
Văn Phòng Đà Nẵng	-	197.041.813
Cty Tuấn Nghĩa	21.022.500	21.022.500
Khách Lẻ	-	6.787.496
Văn Phòng Miền Nam	54.601.945	-
Điện Lực Bình Dương	5.530.800	-
Khách Nợ Miền Nam	18.000.000	18.000.000
Các đối tượng khác	5.243.856	5.481.782
Tổng cộng	3.245.965.489	1.670.286.312

6 . Thu nhập khác**Năm 2011
VND**

Thu tiền phạt	1.000.000
Thu tiền hỗ trợ của sở TC và phòng TMCN	21.721.666
Thuế thu nhập của Nhà thầu nước ngoài không phải nộp cho Nhà nước	56.879.400
Tổng cộng	79.601.066

7 . Chi phí khác**Năm 2011
VND**

Thuế GTGT thanh lý TSCĐ năm trước	13.181.818
Tổng cộng	13.181.818

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Năm 2011

VND

Lợi nhuận trước thuế theo chi phí kế toán	17.965.910.385
Khoản giảm trừ chi phí tính thuế TNDN	
<i>Tiền lương thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành SXKD</i>	<i>259.348.500</i>
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	18.225.258.885
Thuế TNDN tính theo thuế suất 25%	4.556.314.721
Thuế TNDN được giảm trừ 30% theo thông tư 154/2011/TT-BTC	1.366.894.416
Thuế TNDN phải nộp cho năm tài chính 2011	3.189.420.305

9 . Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2010
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	77,47	61,36
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	22,53	38,64
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	27,99	22,51
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72,01	77,49
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	3,57	4,44
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,78	2,73
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,07	0,12
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	21,48	1,35
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	17,66	1,35
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	25,96	2,20

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

10 . Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Sử Kỹ Thuật Hoàng Liên Sơn.

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Nga

Kế toán trưởng



Vũ Nguyên Bình

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thiệp